TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2018/HNGĐ-PT Ngày 11 – 4 - 2018 V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Ông Nguyễn Hữu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 77/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1970. Cư trú tại: Xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hồng D, sinh năm 1967. Cư trú tại: Xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Phạm Hồng D, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/6/2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm chị Hoàng Thị T trình bày: Chị T và anh Phạm Hồng D kết hôn vào ngày 7/10/1990, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có quá trình tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã H. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T và anh D tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, chung sống không hòa thuận, thường hay cãi vã nhau rồi dẫn đến xô xát. Mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và hai người sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng đã được ban hòa giải xóm, xã hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là: Phạm Thị Hồng T, sinh ngày 4/3/1992; Phạm Hồng Q, sinh ngày 5/10/1994; Phạm Hồng C, sinh ngày 4/8/1996, nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Gồm có: 3 gian nhà ngói cấp 4 có trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Đất ở: Có một mảnh đất (nhà đã xây dựng trên đất) diện tích 537m^2, đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Phạm Hồng D (trong đó gồm 200m^2 đất ở và 337m^2 đất vườn) theo thực tế thì thửa đất có diện tích 652m^2, chênh lệch so với giấy chứng nhận 115m^2 đất không có tranh chấp với ai. Giá trị đất ở 350.000đ/1m^2, (giá thị trường) giá đất vườn 45.000đ/m^2.

Về nguồn gốc thửa đất theo chị T sau khi cưới năm 1990 nhưng năm 1992 mới mua đất, mua hết 1.200.000đ, trong đó ông bà nội (Bố mẹ anh D) cho 500.000đ để trả tiền đất. Khi mua đất làm thủ tục sang bìa mang tên anh D là chủ hộ chứ không phải đất riêng của anh D mà là đất chung của hai vợ chồng.

Nếu ly hôn chị có nguyện vọng đất chia đôi mỗi người một phần, còn nhà thì giao cho ai cũng được nhưng ai nhận nhà thì phải giao chênh lệch cho bên kia.

Anh Phạm Hồng D trình bày: Anh Phạm Hồng D thừa nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Hoàng Thị T trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã được ban hòa giải xóm, xã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung, họ tên ngày tháng năm sinh đúng như chị T khai, nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: có một mảnh đất (nhà đã xây dựng trên đất) diện tích 537m^2, đất đã được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Phạm Hồng D (trong đó gồm 200m^2 đất ở và 337m^2 đất vườn) theo thực tế thì thửa đất có diện tích 652m^2, chênh lệch so với giấy chứng nhận 115m^2 đất không có tranh chấp với ai cả. Giá trị đất ở 350.000đ/m^2, (giá thị trường) giá đất vườn 45.000đ/m^2; 03 gian nhà ngói cấp 4 có trị giá 10.000.000đ (mười triệu) tổng tài sản chung 100.340.000đ (một trăm triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng)

Về nguồn gốc đất là do vợ chồng mua năm 1992 mua hết 1.200.000đ, nhưng trong đó ông bà nội (Bố mẹ anh D) cho 500.000đ để trả tiền đất. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng đất chia cho ông bà (Bố mẹ anh D) theo phần tương ứng với số tiền 500.000đ để làm nhà thờ, phần còn lại tương ứng với 700.000đ là tài sản chung của vợ chồng thì chia đôi mỗi người một phần còn ngôi nhà nằm vào phần đất của ai thì người đó nhận và giao tiền chênh lệch cho người kia.

Tại bản án số 77/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

* Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Phạm Hồng D

* Về tài sản:

- Về đất ở + đất vườn: Giao và tạm giao cho chị Hoàng Thị T được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 300m^2 (trong đó gồm 100m^2 đất ở + 142,5m^2 đất vườn và tạm giao 57,5m^2 đất vườn); phía bắc giáp đất của ông Phan Đăng Long có chiều dài 30,54m; phía đông giáp mương và nhà ông Vũ Văn K có chiều rộng 7,10m; phía nam giáp đất anh Phạm Hồng D có chiều dài 28,72m; phía tây giáp đường xóm có chiều rộng 12,69m.

Giao và tạm giao cho anh Phạm Hồng D được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 352m^2 (trong đó gồm 100m^2 đất ở + 194,5m^2 đất vườn và tạm giao 57,5m^2 đất vườn); phía bắc giáp chị Hoàng Thị T có chiều dài 28,72m; phía đông giáp mương và nhà ông Vũ Văn K có chiều rộng 13,12m; phía nam giáp đất ông Dương Công Hòa có chiều dài 25,92m; phía Tây giáp đường xóm có chiều rộng 13,02m.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tách thửa.

- Về nhà ở: Giao cho anh Phạm Hồng D được quyền sở hữu một nhà ngói 3 gian (nhà cấp 4) trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng phải trích chia phần chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị T số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng)

Chị Hoàng Thị T được nhận tiền chênh lệch tài sản do anh Phạm Hồng D giao số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Ngoài ra Bản án còn quyết định nghĩa vụ của người phải chịu án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 12 năm 2017 anh Phạm Hồng D kháng cáo với nội dung: Số tiền cha mẹ cho anh để trả tiền đất là cho riêng anh D chứ không phải cho hai vợ chồng nên không thể chấp nhận số tiền đó vào tài sản chung. Căn nhà ngói cấp bốn 3 gian chị T và anh đã thỏa thuận ai ở thì không cần phía bên kia phải bồi thường chênh lệch. Về nhà thì anh không thể ở được vì, dư luận thông tin rằng, khi anh không ở nhà thì chị T đã nhiều lần đưa người khác vào ở. Khi hòa giải và hướng dẫn vợ chồng chia đất thì Thẩm phán nói tiền của cha mẹ cho không tính toán vào của chung nhưng sau xử thì lại khác. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại và giao phần đất phía bên không có nhà cho anh, còn phần đất có nhà thì giao cho chị T, nhưng phải xem xét đến công sức đóng góp vào tạo lập thửa đất để trích bằng quyền sử dụng đất cho anh để có đất để xây dựng nhà thờ cho bố mẹ anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Phạm Hồng D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thực trạng nhà, đất và công sức tạo lập của các bên tiến hành chia nhà, đất cho vợ chồng là có cơ sở, nên không chấp nhận kháng cáo của anh D. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa tuyên địa chỉ thửa đất, đề nghị cấp phúc thẩm bổ sung để thuận tiện công tác thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra, kết quả tranh luận và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của anh Phạm Hồng D, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Hoàng Thị T và anh Phạm Hồng D kết hôn với nhau năm 1990 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai người không hợp nên bất đồng quan điểm sống không thể hòa hợp và mâu thuẫn căng thẳng. Chị T đã bỏ về bên ngoại từ đầu năm 2017 hai người ly thân đến nay không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Mặc dù đã được hòa giải nhiều lần nhưng anh D và chị T vẫn yêu cầu ly hôn nhau. Cấp sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữ chị Hoàng Thị T và anh Phạm Hồng D.

Xét kháng cáo của anh Phạm Hồng D:

Đối với yêu cầu giao phần đất có nhà cho chị T sử dụng thấy rằng: Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị T đã bỏ về bên ngoại ở ổn định, các con chung của vợ chồng đã đủ tuổi trưởng thành, hơn nữa theo anh D thì, vợ chồng đang có một con chung mặc dù đã đủ tuổi trưởng thành nhưng chưa lập gia đình và đang ở với anh D. Do đó cấp sơ thẩm giao cho anh Phạm Hồng D sử dụng phần đất có ngôi nhà và anh D phải trích chia trị giá ngôi nhà cho chị T là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của anh D phải tính trị giá đất tương đương với số tiền 500.000đ mà bố mẹ anh D cho vợ chồng để mua thửa đất năm 1992 tương đương gần ½ diện tích thửa đất, nên yêu cầu phải trích trị giá quyền sử dụng đất tương ứng để lấy đất làm nơi thờ cúng cho ông, bà. Thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án cả anh D và chị T đều xác định và thừa nhận, năm 1992 vợ chồng mua thửa đất để làm nhà ở thì ông bà nội (Bố mẹ anh D) đã cho vợ chồng 500.000đ. Do đó cấp sơ thẩm xác toàn bộ thửa đất để là tài sản chung của vợ chồng và tiến hành chia cho anh D, chị T được sử dụng và tạm sử dụng là có cơ sở.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm cả chị T và anh D đều thừa nhận: Diện tích đất thổ cư hiện tại 652m^2 là tài sản chung của vợ chồng có một phần lớn giá trị do bố mẹ anh D cho, nhưng cấp sơ thẩm chỉ trích chia cho anh D nhiều hơn chị T 52m^2 đất là chưa thỏa đáng, chưa tương xứng với phần đóng góp vào khối tài sản chung của anh D. Do đó, một phần kháng cáo của anh D về nội dung này là có cơ sở, nên cần chấp nhận sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho anh D phần đất 400m^2 và ngôi nhà cấp bốn cho anh D sử dụng sở hữu và anh D trích chia chênh lệch tài sản (trị giá ngôi nhà) cho chị T 5.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về trị giá tài sản mà các bên được chia nên cần sửa lại án phí sơ thẩm cho phù hợp.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của anh D được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm (Về quan hệ hôn nhân) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Hồng D, sửa Bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Về chia tài sản:

1.1. Về đất ở + đất vườn:

- Giao và tạm giao cho chị Hoàng Thị T được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 252m^2 (trong đó gồm 100m^2 đất ở + 112,5m^2 đất vườn và tạm giao 39,5m^2 đất vườn), nay thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 18, tại xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An, trị giá 41.840.000đ (Bốn mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Có tứ cận: Phía Bắc giáp đất của ông Phan Đăng Long có chiều dài 30,54m; phía Đông giáp mương và nhà ông Vũ Văn K có chiều rộng 5,43m; phía Nam giáp đất anh Phạm Hồng D có chiều dài 28,75m; phía Tây giáp đường xóm có chiều rộng 11,02m.

- Giao và tạm giao cho anh Phạm Hồng D được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 400m^2 (trong đó gồm 100m^2 đất ở + 224,5m^2 đất vườn và tạm giao 75,5m^2 đất vườn), nay thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 18, tại xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An, trị giá 48.500.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, năm trăm ngàn đồng). Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất chia chị Hoàng Thị T có chiều dài 28,75m; phía Đông giáp mương và nhà ông Vũ Văn K có chiều rộng 14,81m; phía Nam giáp đất ông Dương Công Hòa có chiều dài 25,92m; phía Tây giáp đường xóm có chiều rộng 14,69m.

1.2. Về nhà ở:

- Giao cho anh Phạm Hồng D được quyền sở hữu một nhà ngói 3 gian (nhà cấp 4) trị giá 10.000.000đ (mười triệu đồng).

- Anh Phạm Hồng D phải trích chia cho chị Hoàng Thị T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền trị giá ngôi nhà.

Tổng trị giá tài sản chị T được chia 46.840.000 đồng; Anh D được chia 53.500.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các bên liên hệ các cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và tách thửa.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hoàng Thị T phải chịu 2.342.000 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0002247 ngày 05/7/2017. Số tiền còn lại hoàn trả cho chị T.

Anh Phạm Hồng D phải chịu 2.675.000 đồng án phí chia tài sản.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Phạm Hồng D 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0006760 ngày 14/12/2017.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm (Về quan hệ hôn nhân) không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Y;
- Chi Cục THADS huyện Y;
- UBND xã H, h Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phấn